

Bản án số: 43/2021/HS - ST

Ngày 06/4/2021

NHÂN DANH

**NHÀ QUỐC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Văn Toàn.

Ông Hoàng Văn Tấn.

-Th- ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021, tại trụ Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2021/TLST- HS ngày 26/02/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐXXST- HS ngày 23/3/2021 đối với bị cáo:

Chu Văn Q, sinh năm 1972.

Trú tại: Thôn 3, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Chu Văn T và bà Chu Thị T, vợ: Nguyễn Thị Thanh L; con: Có 01 con sinh năm 2009.

- Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/12/2020. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam- Công an tỉnh Bắc Giang. Được trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

-Bị hại: Anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1987. Vắng mặt.

Trú tại: Số nhà 36, đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

-Người làm chứng:

1. Anh Đỗ Đức D, sinh năm 1994. Vắng mặt

Trú tại: Thôn T, xã T, TP. B, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Hoàng Anh D, sinh năm 1981. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn T, xã T, TP. B, tỉnh Bắc Giang.

3. Chị Nông H, sinh năm 1983. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn D, xã H, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

4. Chị Đặng Thị T, sinh năm 1985. Vắng mặt.

Trú tại: Tổ 4, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chu Văn Q, sinh năm 1972, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn 3, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc là nhân viên rửa xe của cửa hàng kinh doanh điện thoại Quang Dương tại thôn M, thị trấn N, huyện V do anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1987, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số nhà 36, đường P, phường T, thành phố B làm chủ. Quá trình làm việc, Q được anh Qu bố trí cho ăn ở tại cửa hàng.

Trong thời gian làm việc tại đây, Q phát hiện thấy anh Qu thường xuyên để tiền bán hàng tại hộp giấy trong tủ kính trưng bày điện thoại nhưng không khóa cửa tủ nên Q nảy sinh ý định trộm cắp tiền của anh Qu. Vào một buổi sáng, một ngày khoảng giữa tháng 11 năm 2020 (Q khai không nhớ cụ thể ngày, giờ), Q làm việc tại cửa hàng thì thấy mọi người đi vắng, nên Q đi đến vị trí chiếc tủ kính trưng bày điện thoại (tủ kê tại vị trí sát tường, gần cửa ra vào của cửa hàng), dùng tay phải đẩy mở kính tủ rồi thò tay vào trong tủ lấy một tập tiền được đựng trong một hộp giấy, gồm các tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng và 200.000 đồng. Sau đó, Q đút số tiền trộm cắp được vào túi quần phía sau bên phải đang mặc rồi mang vào cất giấu tại túi xách của mình để trong phòng ngủ của quán. Hai hôm sau, Q mang theo toàn bộ số tiền trộm cắp được đi xe khách đến nhà nghỉ Đức Anh có địa chỉ tại phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng rồi gọi điện cho bạn gái là chị Đặng Thị T (tên gọi khác là L), sinh năm 1985 trú tại tổ 4, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng đến tâm sự. Tại đây, Q khoe với chị T là có nhiều tiền nên chị T đếm hộ Q được tổng số 13.000.000 đồng, gồm các loại tiền mệnh giá 200.000 đồng và 500.000 đồng. Số tiền này, Q khai đã cho chị T vay rồi về lại quán anh Qu làm việc.

Sau khi thực hiện thành công lần trộm cắp thứ nhất, cũng với thủ đoạn ban đầu Q tiếp tục nhiều lần mở tủ kính trộm cắp các loại tiền mệnh giá 500.000 đồng và 200.000 đồng của anh Qu. Trong đó: trong khoảng thời gian từ 03 giờ 07 phút đến 09 giờ 42 phút ngày 23/11/2020, Q thực hiện 03 lần trộm cắp các loại tiền mệnh giá 500.000 đồng và 200.000 đồng tại tủ kính của anh Q; hồi 02 giờ 10 phút ngày 25/11/2020, Q 01 lần thực hiện hành vi trộm cắp các loại tiền mệnh giá 200.000 đồng và 500.000 đồng tại tủ kính của anh Qu; hồi 03 giờ 39 phút ngày 26/11/2020, Q 01 lần thực hiện hành vi trộm cắp các loại tiền mệnh giá 200.000 đồng và 500.000 đồng tại tủ kính của anh Qu. Sau khi thực hiện các lần trộm cắp này, Q không kiểm đếm mà mang đến cất giấu vào ví để trong túi xách của Q để tại phòng ngủ của Q tại cửa hàng, nên Q không xác định được số tiền trộm cắp mỗi lần là bao nhiêu.

Sáng ngày 27/11/2020, anh Qu kiểm đếm tiền trong hộp giấy thấy mất tiền nên đã kiểm tra Camera an ninh của cửa hàng thì phát hiện ra Q là người lấy trộm tiền nên đã hỏi Q thì Q thừa nhận việc trộm cắp tiền của anh Qu. Anh Qu tiến hành kiểm tra phòng ngủ thì phát hiện thấy trong ví của Q có số 19.900.000 đồng, gồm các tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng và 200.000 đồng. Số tiền này, Q thừa nhận 3.000.000 đồng là tiền Q thu được từ việc rửa xe chưa đưa cho anh Qu, còn 16.900.000 đồng là tiền đã trộm cắp của anh Qu. Sau đó, Q trả lại anh Qu toàn bộ số tiền 19.900.000 đồng rồi bỏ trốn.

Ngày 02/12/2020, Q đến đầu thú tại Đội Cảnh sát 113 Phòng PC 06 Công an tỉnh Cao Bằng. Cùng ngày, Phòng PC 06 Công an tỉnh Cao Bằng đã bàn giao hồ sơ vụ việc cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Việt Yên điều tra theo thẩm quyền.

Ngày 02/12/2020, anh Hoàng Văn Qu đến Công an huyện Việt Yên trình báo. Ngày 04/12/2020, anh Qu giao nộp 01 đĩa CD ghi lại 05 đoạn video thể hiện hành vi trộm cắp tài sản của Chu Văn Q từ ngày 23/11/2020 đến 26/11/2020. Cơ quan điều tra đã cho Q xem các đoạn video, Q khẳng định người đã trộm cắp tiền trong các đoạn video là mình.

Trong các ngày 18/12/2020 và 08/01/2021, Cơ quan điều tra đã cho chị Đặng Thị T, chị Nông H, sinh năm 1983 là chủ nhà nghỉ Đức Anh nhận dạng, chị T, chị H đều nhận ra Q là người đã đến thuê phòng, gặp chị T tại nhà nghỉ Đức Anh 04 lần từ ngày 29/10/2020 đến 01/12/2020.

Bản Cáo trạng số 36/CT- VKS ngày 26/02/2021 của VKSND huyện Việt Yên đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Việt Yên để xét xử bị cáo Chu Văn Q về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173- BLHS.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của VKS đã truy tố. Nay bị cáo thấy được tội lỗi của mình và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất của vụ án và giữ nguyên quan điểm truy tố của bản cáo trạng. Đồng thời phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Chu Văn Q phạm tội "*Trộm cắp tài sản*". Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 – BLHS.

Xử phạt: Chu Văn Q từ 18 đến 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 03/12/2020.

Không áp dụng khoản 5 Điều 173 BLHS để phạt tiền đối với bị cáo Chu Văn Q.

Trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48- BLHS, Điều 584, 589 - BLDS.

Buộc bị cáo Chu Văn Q phải bồi thường cho anh Hoàng Văn Qu số tiền 10.000.000đồng (*Mười triệu đồng*).

Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 - BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về án phí, lệ phí buộc bị cáo Chu Văn Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo ở tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong tháng 11/2020, tại cửa hàng kinh doanh điện thoại Quang Dương có địa chỉ tại: Tổ dân phố M, thị trấn N, huyện Việt Yên do anh Hoàng Văn Qu, sinh năm 1987, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 36, đường P, phường T, thành phố B làm chủ, Chu Văn Q, sinh năm 1972, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn 3, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, đã thực hiện 06 hành vi trộm cắp tài sản, có tổng giá trị là 29.900.000 đồng, của anh Hoàng Văn Qu. Trong đó, lần thứ nhất trộm cắp số tiền 13.000.000 đồng, 05 lần tiếp theo trộm cắp tổng cộng 16.900.000 đồng. Bản Cáo trạng số 36/CT- VKS ngày 26/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Chu Văn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 173 — BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án: Trong vụ án này chỉ có một mình bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của người bị hại để chiếm đoạt tổng số tiền 29.900.000 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo lắng cho người khác về việc quản lý tài sản. Vì vậy phải có mức hình phạt tù tương xứng với hành vi của bị cáo đã gây ra nhằm giáo dục riêng và phong ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này bị cáo có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhiều lần trộm cắp tài sản, các lần đều đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự HĐXX thấy: Sau khi phạm tội bị cáo đầu thú, tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được

quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 – BLHS. Do đó, Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Hiện nay bị cáo đang bị tạm giam cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án theo quy định tại Điều 329 – BLTTHS.

Ngoài ra Chu Văn Q khai đã cho chị Đặng Thị T vay số tiền 13.000.000 đồng, chị T không thừa nhận, Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất, nhưng hai bên giữ nguyên lời khai. Ngoài lời khai của Q, không có chứng cứ nào khác chứng minh chị T đã vay Q số tiền 13.000.000 đồng. Khi gặp Q tại nhà nghỉ Đức Anh, chị T giúp Q kiểm đếm số tiền 13.000.000 đồng nhưng không biết đó là tiền do Q phạm tội mà có. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

[6] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, nên không áp dụng khoản 5 Điều 173- BLHS để phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Anh Hoàng Văn Qu yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 10.000.000đồng do bị cáo đã chiếm đoạt nay chưa trả. Tại phiên tòa bị cáo xác nhận đã chiếm đoạt tài sản của anh Qu nay chưa trả và nhất trí bồi thường cho anh Qu. Xét yêu cầu bồi thường của anh Qu là có căn cứ, buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Hoàng Văn Qu số tiền 10.000.000đồng (Mười triệu đồng) là phù hợp pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo Chu Văn Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

(1) Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 – Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Chu Văn Q 20 (hai mươi) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 03/12/2020.

(2) Trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48- BLHS; Điều 584, 585, 589 - BLDS.

Buộc bị cáo Chu Văn Q phải bồi thường cho anh Hoàng Văn Qu số tiền 10.000.000đồng (*Mười triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(3) Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 - BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí. Buộc bị cáo Chu Văn Q phải nộp 200.000đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 500.000đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

(4) Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333, 334 - BLTTHS.

Báo cho bị cáo có mặt biết, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- THADS huyện Việt Yên;
- Công an huyện Việt Yên;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Bị cáo;
- L- u.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã Ký

Vũ Văn Hợp